

Bản án số: 1037/2024/HC-PT

Ngày: 25 – 12 – 2024

V/v “Khiếu kiện quyết định hành
chính về quản lý đất đai thuộc trường
hợp bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt
bằng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán:

Ông Cao Văn Tám

Bà Bùi Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp
cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành
phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số
844/2024/TLPT-HC ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định
hành chính về quản lý đất đai thuộc trường hợp bồi thường, hỗ trợ giải phóng
mặt bằng”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 351/2024/HC-ST ngày 01 tháng 8 năm
2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 7378/2024/QĐ-PT
ngày 04 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1/Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1977 (có mặt);

2/Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1978 (có mặt);

3/Ông Huỳnh Văn L1, sinh năm 1980 (có mặt);

4/Bà Huỳnh Thị T1, sinh năm 1987 (có mặt);

5/Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1989 (có mặt);

6/Ông Huỳnh Văn Ú, sinh năm 1991 (có mặt);

7/Ông Huỳnh Thanh H, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: A H, xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

8/Bà Huỳnh Thị T1, sinh năm 1983 (có mặt);

Địa chỉ: A H, xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

1/Ông Nguyễn Hoàng L2, sinh năm 1982 (có mặt);

Địa chỉ: 4 D, phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1992 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ E, Khu phố C, V, Đức L3, Bình Thuận.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện C

Địa chỉ: L, khu phố G, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc X – Chức vụ: Phó Chủ tịch.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

1/Bà Nguyễn Thị Linh P – Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và môi trường huyện C (vắng mặt).

2/Ông Trần Văn Q – Phó Trưởng Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện C (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị L, ông Huỳnh Văn L1, bà Huỳnh Thị T1 (sinh năm 1987), bà Huỳnh Thị N, ông Huỳnh Văn Ú, ông Huỳnh Thanh H, bà Huỳnh Thị T1 (sinh năm 1983).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/9/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 11/01/2024, bản tự khai, biên bản đối thoại và lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện ủy quyền cho người khởi kiện trình bày:

Ngày 28/01/2022, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Thông báo số 480/TB-UBND về việc thu hồi đất của hộ bà Võ Thị T2 để thực hiện dự án Xây dựng đường vào hàng rào dự án Trùng tu khu di chỉ Giồng C, huyện C.

Ngày 27/6/2023, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 882/QĐ-về việc thu hồi đất của hộ bà Võ Thị T2 để thực hiện dự án Xây dựng đường vào hàng rào dự án trùng tu Khu di chỉ Giồng C, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng ngày 27/6/2023, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 890/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Võ Thị T2. Nội dung Quyết định 890/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại trong dự án Xây dựng đường vào, hàng rào dự án trùng tu Khu di chỉ Giồng C, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh (*người đại diện hợp pháp là bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị L, ông Huỳnh Văn L1, bà Huỳnh Thị T1, ông Huỳnh*

Văn N1, ông Huỳnh Văn Ú, ông Huỳnh Thanh H và bà Huỳnh Thị T1) số tiền làm tròn là 1.089.321.000 đồng, trong đó bao gồm:

- Tiền hỗ trợ về đất: 739.535.288 đồng;
- Tiền hỗ trợ về công trình, cấu trúc xây dựng trên đất: 33.154.429 đồng;
- Tiền bồi thường cây trồng: 312.881.776 đồng;
- Các khoản hỗ trợ khác: 3.750.000 đồng.

Theo Phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết số 01/PABT-HĐBT ngày 27/6/2023 của Hội đồng bồi thường dự án nêu trên thì diện tích đất thu hồi 10.506,1m² không được công nhận, không có giấy chứng nhận (*nguồn gốc đất được xác định theo Giấy xác nhận ngày 10/10/2022 của Ủy ban nhân dân xã L*), trong đó:

- Diện tích 6.094,7m² do ông Huỳnh Văn Đ1 lần chiếm để trồng cây ăn trái khoảng năm 1996-1997. Đến năm 1998, ông Huỳnh Văn Đ1 cho lại bà Võ Thị T2 để tiếp tục trồng cây ăn trái và chăn nuôi cho đến nay, không bị xử phạt vi phạm hành chính, không tranh chấp. Phần diện tích này chỉ được tính hỗ trợ (không được tính bồi thường) với số tiền 599.230.904 đồng.

- Diện tích 1.712,7m² do hộ bà Võ Thị T2 lần chiếm khoảng năm 1998-2000 để đào ao nuôi trồng thủy sản cho đến nay, không bị xử phạt vi phạm hành chính, không tranh chấp. Phần diện tích này chỉ được hỗ trợ (*không được tính bồi thường*) với số tiền 140.304.384 đồng.

- Diện tích 2.698,7m² do hộ bà Võ Thị T2 lần chiếm năm 2005, sử dụng cho đến nay, không bị xử phạt vi phạm hành chính, không tranh chấp không được bồi thường, hỗ trợ.

Việc xác định nguồn gốc đất nêu trên để làm căn cứ tính giá trị bồi thường, hỗ trợ cho người khởi kiện là hoàn toàn không đúng. Cụ thể:

Cha của người khởi kiện là ông Huỳnh Văn M và M1 là bà Võ Thị T2. Năm 1976, ông Huỳnh Văn Đ1 là ông nội của người khởi kiện có khai hoang một phần đất diện tích khoảng 3000m² tại ấp T, xã T, huyện D, tỉnh Đồng Nai (nay là xã L, huyện C, TP.). Ông Huỳnh Văn Đ1 đã có Đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã T chứng thực việc khai hoang này để gia đình ông mở mang thêm diện tích đất đai và tăng gia sản xuất. Đơn của ông được ông Võ Văn L4 - cán bộ xã ký đóng dấu xác nhận ngày 24/9/1976.

Sau đó cũng trong năm 1976, ông Huỳnh Văn Đ1 tiếp tục khai phá thêm hơn 15.000m² đất, trong đó có 5.926m² đất mà ông Đ1 đã cho hộ gia đình ông Huỳnh Văn V - là chú của người khởi kiện (*cũng bị thu hồi để thực hiện Dự án và chỉ được hỗ trợ mà không bồi thường*) và phần diện tích đất 10.506,1m² đã cho bà Võ Thị T2 cùng trong năm 1976. Sau đó ông Huỳnh Văn V khiếu nại và được Ủy ban nhân dân huyện C giải quyết khiếu nại, hỗ trợ thêm số tiền 66.668.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi tám ngàn đồng).

Gia đình người khởi kiện canh tác, quản lý, sử dụng diện tích đất 10.506,1m² ổn định từ đó đến nay, không có cá nhân, cơ quan, tổ chức nào tranh chấp, khiếu nại. Tuy nhiên, nay cơ quan có thẩm quyền xác nhận nguồn gốc đất của gia đình người khởi kiện sử dụng là do lần chiếm để từ đó làm căn cứ, cơ sở

xác định ban hành Quyết định 890/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ cho gia đình người khởi kiện là hoàn toàn không đúng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện. Vì vậy, ngày 18/9/2023, người khởi kiện đã có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định 890/QĐ-UBND.

Ngày 29/12/2023, Ủy ban nhân dân huyện C tiếp tục ban hành Quyết định 2024/QĐ-UBND, đính kèm Quyết định 2024/QĐ-UBND là Phương án bồi thường, hỗ trợ điều chỉnh chi tiết số 08/PAĐC-HĐBT đề ngày 22/12/2023 của Hội đồng Bồi thường dự án.

Theo nội dung Quyết định 2024 và Phương án bồi thường 08/PAĐC-HĐBT thì số tiền bồi thường hỗ trợ cho hộ bà Võ Thị T2 là 1.085.571.000 đồng, trong đó tiền hỗ trợ về đất, tiền hỗ trợ về công trình, cấu trúc xây dựng trên đất, bồi thường cây trồng vẫn giữ nguyên theo Phương án 01/PABT-HĐBT; Đối với các khoản hỗ trợ khác đã điều chỉnh không hỗ trợ số tiền 3.750.000 đồng do hộ dân không thực hiện bàn giao mặt bằng và đã thực hiện cưỡng chế thu hồi đất theo Quyết định số 1561/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 và Văn bản số 8912/UBND ngày 06/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 71 Luật đất đai 2013, việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất được thực hiện khi có đủ các điều kiện, trong đó có điều kiện “*Người bị cưỡng chế đã nhận được quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất có hiệu lực thi hành*”. Ở đây, người khởi kiện có tất cả tám người nhưng không phải tất cả người khởi kiện đều nhận được thông báo cũng như Quyết định cưỡng chế thu hồi đất của Ủy ban nhân dân huyện C. Mặc dù vậy, Ủy ban nhân dân huyện C cũng đã tổ chức cưỡng chế thu hồi đất. Toàn bộ cây trồng, vật nuôi, công trình nhà ở trên đất đã bị phá dỡ (bao gồm cả 04 cây sa pô kê trên 30 năm tuổi - là chứng cứ để xác định nguồn gốc, quá trình quản lý sử dụng đất của gia đình người khởi kiện. Việc cưỡng chế thu hồi đất của Ủy ban nhân dân huyện C là hoàn toàn trái quy định pháp luật, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện.

Từ các nội dung trên, người khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy:

- Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 27/6/2023 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Võ Thị T2 trong dự án Xây dựng đường vào, hàng rào dự án trùng tu Khu di chỉ Giồng C, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh (*người đại diện hợp pháp là bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị L, ông Huỳnh Văn L1, bà Huỳnh Thị T1, ông Huỳnh Văn N1, ông Huỳnh Văn Ú, ông Huỳnh Thanh H và bà Huỳnh Thị T1*).

- Quyết định số 2024/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 về phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Võ Thị T2 trong dự án Xây dựng đường vào, hàng rào dự án Trùng tu khu di chỉ Giồng Cá Vồ tại xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (*người đại diện hợp pháp là bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị L, ông Huỳnh Văn L1, bà Huỳnh Thị T1, bà Huỳnh Thị N, ông Huỳnh Văn Ú, ông Huỳnh Thanh H, bà Huỳnh Thị T1*).

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C vắng mặt, đã gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến như sau:

1/Căn cứ pháp lý khu đất thực hiện dự án:

Quyết định số 441/QĐ-UB ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về giao đất giao rừng cho các đơn vị quốc doanh, tập thể, hộ nhân dân trồng cây gây rừng và chăm sóc bảo vệ rừng.

Quyết định số 173/CT ngày 29/5/1991 của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng về phê duyệt dự án tiền khả thi “Rừng phòng hộ môi trường thành phố Hồ Chí Minh”.

Thông báo số 139/QĐ-UB ngày 28/9/1991 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về quản lý, chăm sóc và bảo vệ rừng phòng hộ D2 (nay là huyện C).

Quyết định số 169/QĐ-UB-CNN ngày 07/01/2000 Ủy ban nhân dân Thành phố H về thành lập Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện C.

Quyết định số 07/2010/UBND ngày 29/01/2010 và Quyết định số 4126/2010/UBND ngày 14/8/2012 về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban Quản lý rừng Phòng hộ huyện C (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT25910 và số CT25911 ngày 19/10/2013).

Quyết định số 3901/QĐ-UBND ngày 20/7/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về công bố hiện trạng rừng thành phố Hồ Chí Minh năm 2016 và Quyết định số 109/QĐ-SNN ngày 16/4/2018 của Sở N2 về duyệt kết quả theo dõi diễn biến rừng và đất quy hoạch phát triển rừng thành phố Hồ Chí Minh.

Quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 29/6/2015 của Ủy ban nhân dân huyện C về phê duyệt dự án đầu tư xây dựng (Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng) công trình Xây dựng đường vào, hàng rào dự án trùng tu Khu di chỉ Giồng C, xã L, huyện C;

Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 28/3/2017 và Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 12/5/2021 của Ủy ban nhân dân huyện C về phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư công trình đường vào, hàng rào dự án trùng tu Khu di chỉ Giồng C, xã L, huyện C;

Văn bản số 99/CCKL-QLBVR ngày 22/02/2019 của C có về thông tin các lô rừng thuộc dự án;

Bản đồ quy định khu vực bảo vệ di tích Giồng Cá Vồ xã L, huyện C ngày 07/9/1999;

Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm dịch vụ Hành chính nhà – Đất huyện C lập ngày 25/6/2004.

2/Quy định về chính sách thực hiện dự án:

- Khu đất thu hồi thực hiện dự án thuộc tiểu khu B, nằm trong ranh đất do Ban Q quản lý. Qua rà soát quy định liên quan thì không có quy định cụ thể về bồi thường, hỗ trợ, do đó ngày 19/8/2022 Ủy ban nhân dân huyện C đã có Văn bản số 4916/UBND (trình Ủy ban nhân dân Thành phố X, có ý kiến chỉ đạo thực hiện về rà soát hồ sơ pháp lý, xây dựng chính sách hỗ trợ của dự án xây dựng đường vào, hàng rào dự án Trùng tu khu di chỉ Giồng C, xã L, huyện C).

- Ngày 27/10/2022, Sở T4 thành phố có Văn bản số 9127/STNMT-BTTĐC về chính sách bồi thường, hỗ trợ của dự án xây dựng đường vào, hàng rào dự án trùng tu khu di chỉ Giồng C, xã L, huyện C.

- Ngày 01/12/2022, Ban Chỉ đạo bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Thành phố có Văn bản số 131/BCĐBT về báo cáo kết quả nội dung cuộc họp Ban Chỉ đạo bồi thường, hỗ trợ.

- Ngày 02/12/2022 Ủy ban nhân dân Thành phố có Văn bản số 4641/UBND-ĐT về kết quả nội dung cuộc họp Ban chỉ đạo bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Thành phố ngày 25/11/2022.

- Ngày 30/12/2022, Sở T4 có Văn bản số 11375/STNMT-BTTĐC về chính sách bồi thường, hỗ trợ của dự án xây dựng đường vào, hàng rào dự án Trùng tu khu di chỉ Giồng C, xã L, huyện C.

Ngày 10/4/2023, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện C có Tờ trình số 559/TTr-BT về chính sách bồi thường, hỗ trợ trong dự án xây dựng đường vào, hàng rào dự án trùng tu khu di chỉ Giồng C, xã L và đã được Thường trực Ủy ban nhân dân huyện T5 tại Thông báo số 269/TB-VP ngày 14/4/2023.

3/Liên quan đến chính sách hỗ trợ của hộ bà Võ Thị T2 theo Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 27/6/2023 của Ủy ban nhân dân huyện C về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Võ Thị T2 trong dự án Xây dựng đường vào, hàng rào dự án Trùng tu khu di chỉ Giồng Cá Vồ tại xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh:

3.1/Một số cơ sở pháp lý liên quan để Ủy ban nhân dân huyện C xem xét thực hiện chính sách hỗ trợ.

Ngoài phần diện tích 3.000m² có nguồn gốc vào năm 1976 hộ ông Huỳnh Văn Đ1 đã xin phép mở mang thêm diện tích đất và gia tăng sản xuất được Ủy ban nhân dân xã T (nay là Ủy ban nhân dân xã L) xác nhận với mục đích mở đất khai hoang và tăng thêm diện tích để sản xuất thêm đất đai cho địa phương (phần diện tích này đã được bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Huỳnh Văn L5 theo biên bản làm việc ngày 31/3/2022 của Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng).

Để phục vụ công tác giải quyết bồi thường thiệt hại cho các hộ dân bị ảnh hưởng dự án Xây dựng đường vào, hàng rào dự án trùng tu khu di chỉ Giồng Cá Vồ tại xã L, huyện C, ngày 14/01/2019 Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Văn bản số 186/UBND về đề nghị C về hỗ trợ cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ giải quyết hỗ trợ thiệt hại của hộ dân bị ảnh hưởng dự án Xây dựng đường vào, hàng rào dự án trùng tu khu di chỉ Giồng Cá V xã L. Ngày 22/02/2019, Chi cục Kiểm lâm ban hành Văn bản số 99/CCKL-QLBVR về việc thông tin các lô rừng thuộc dự án Trùng tu khu di tích khảo cổ học Quốc gia Giồng Cá V xã L theo đó Chi cục Kiểm lâm thông tin một số nội dung như sau:

“Qua rà soát hồ sơ, tài liệu hiện có Chi cục Kiểm lâm có ý kiến: Các lô rừng nằm trong Dự án Trùng tu Khu di tích khảo cổ học Quốc gia Giồng Cá V1 thuộc K, Tiểu khu B xã L, huyện C có hiện trạng cụ thể như sau:

- Lô 13, hiện trạng Rừng tự nhiên, diện tích 1,48 ha;

- Lô 26, hiện trạng Đất không rừng, diện tích 3,28 ha;
- Lô 29, hiện trạng Rừng tự nhiên, diện tích 3,28 ha;
- Lô 30, hiện trạng Rừng trồng, diện tích 20,31 ha;
- Lô 31, hiện trạng Rừng trồng, diện tích 0,30 ha.

Trong đó có 2 lô rừng (Lô C, 31) là rừng trồng năm 1995, loài cây trồng là D, mật độ trồng 10.000 cây/ha. (Đính kèm thuyết minh thiết kế trồng rừng phòng hộ 1995, Biên bản kiểm tra diện tích trồng rừng năm 1995).

Theo bản thiết kế trồng rừng năm 1995 đã được Sở Nông nghiệp phê duyệt tại Tờ trình số 134/TT-BQL ngày 29/6/2015 của Ban Q thì tổng diện tích thiết kế 115,4 ha, diện tích thực trồng 111,4 ha thuộc T thuộc Ban Q quản lý. Tại mục 5 dân sinh kinh tế bản thuyết minh thiết kế trồng rừng phòng hộ môi trường có nêu: Đây là khu vực thuộc vùng dự án 02/327 do Ban Q quản lý, đã được GDGR cho các đơn vị Quốc doanh và các hộ gia đình nhận khoán BVR. ngoài ra, trong khu vực còn có nhiều gia đình và các tổ chức tư nhân sản xuất bằng nghề nuôi tôm, đầm, đập...”

Ngày 12/4/2019, Ban Q ban hành Văn bản số 265/BQL về vị trí các hộ dân sản xuất bị ảnh hưởng trong dự án Giồng Cá V theo đó Ban Q có thông tin như sau:

“Bản vẽ vị trí sử dụng đất của các hộ dân trong và ngoài ranh Dự án xây dựng đường vào, hàng rào dự án trùng tu Khu di chỉ Giồng C, đối chiếu với bản đồ hiện trạng rừng năm 2016 theo Quyết định 3901/QĐ-UBND ngày 20/7/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố hiện trạng rừng thành phố Hồ Chí Minh năm 2016 được Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn cung cấp (bản đồ giấy) thì hộ bà Võ Thị T2 thuộc các lô sau:

- Hộ bà Võ Thị T2 thuộc lô B, khoảnh 15, tiểu khu B.”

(Theo tài liệu năm 1987, khu đất bà Võ Thị T2 khiếu kiện thuộc một phần thửa 16, 24, 25, tờ bản đồ 30, loại đất Rtn, Đ2, M2)

Ngày 10/3/2020, Ban Q ban hành Văn bản số 153/BQL về cung cấp thông tin tài liệu phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng theo đó Ban Q có lưu trữ thông tin kê khai hoạt động sản xuất của 03 hộ dân gồm ông Huỳnh Văn Đ3, Huỳnh Văn V và Huỳnh Văn L5, đối với trường hợp Trương Bảo T3, Trương Minh D1 không có hồ sơ lưu trữ tại Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện C.

Ngày 26/10/2022, Ủy ban nhân dân xã L ban hành Giấy xác nhận pháp lý, nguồn gốc đất, thời điểm tạo lập và sửa chữa nhà, vật kiến trúc của hộ dân.

3.2/Chính sách hỗ trợ:

* Căn cứ biên bản kiểm kê hiện trạng sử dụng đất và tài sản bị ảnh hưởng số 01 ngày 20/3/2018 của Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện C; Bản vẽ hiện trạng vị trí ngày 30 tháng 6 năm 2022 do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ4 đo vẽ được Phòng T kiểm tra ngày 01/7/2022.

Theo giấy xác nhận về việc sử dụng đất xuất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân ngày 29/9/2022, có nội dung như sau: hộ bà Võ Thị T2 thuộc đối tượng

đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp và đang trực tiếp sản xuất tại vị trí khu đất bị ảnh hưởng trong dự án và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất đất nông nghiệp.

Theo giấy xác nhận về pháp lý, nguồn gốc đất, thời điểm tạo lập và sửa chữa nhà, vật kiến trúc ngày 10/10/2022 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, xác nhận:

“- Diện tích 6.094,7m² thuộc một phần thửa 16-1, 24-1 và thửa 16-2, tờ bản đồ số 30 theo tài liệu năm 1987; không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm (vườn) do ông Huỳnh Văn Đ1 lấn chiếm để trồng cây ăn trái vào khoảng năm 1996 – 1997. Đến năm 1998, ông Huỳnh Văn Đ1 cho lại bà Võ Thị T2 để tiếp tục trồng cây ăn trái và chăn nuôi cho đến nay (nằm ngoài vị trí khu đất 3.000m² của ông Huỳnh Văn Đ1 đăng ký ban đầu), không bị xử phạt vi phạm hành chính, không tranh chấp.

- Diện tích 1.712,7m² thuộc một phần thửa 24-1; 16-1, tờ bản đồ số 30 theo tài liệu năm 1987; không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; mục đích sử dụng đất nuôi trồng thủy sản (A) do hộ bà Võ Thị T2 lấn chiếm khoảng năm 1998 – 2000 để đào ao nuôi trồng thủy sản cho đến nay (nằm ngoài vị trí khu đất 3.000m² của ông Huỳnh Văn Đ1 đăng ký ban đầu), không bị xử phạt vi phạm hành chính, không tranh chấp.

- Diện tích 2.698,7m² thuộc một phần thửa 24-1; 16-1 và thửa 25-1, tờ bản đồ số 30 theo tài liệu năm 1987; không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; mục đích sử dụng đất rừng tự nhiên do hộ bà Võ Thị T2 lấn chiếm năm 2005, sử dụng cho đến nay (nằm ngoài vị trí khu đất 3.000m² của ông Huỳnh Văn Đ1 đăng ký ban đầu), không bị xử phạt vi phạm hành chính, không tranh chấp.”

Ngày 27/6/2023, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 882/QĐ-UBND về thu hồi đất của hộ bà Võ Thị T2 và được điều chỉnh một phần tại Quyết định số 939/QĐ-UBND ngày 14/7/2023.

* Đối với phần diện tích đất 10.506,1m² của bà Võ Thị T2 (trong đó có 7.807,4m² theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã L có hiện trạng là vườn, ao) được áp dụng theo đề xuất tại Tờ trình số 559/TTr-BT ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng được Ủy ban nhân dân huyện T5 tại Thông báo số 269/TB-VP ngày 14/4/2024 thì được xem xét chính sách hỗ trợ về đất bằng 80% giá đất do Ủy ban nhân dân Thành phố Q, cụ thể như sau:

- Hỗ trợ đất nông nghiệp trồng cây lâu năm (không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) vị trí 3 (nằm ngoài khu dân cư), với số tiền là 599.230.904 đồng (6.094,70 m² x 122.900 đồng/m²).

- Hỗ trợ đất nông nghiệp nuôi trồng thủy sản (không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) vị trí 3 (nằm ngoài khu dân cư), với số tiền là 140.304.384 đồng (1.712,70m² x 102.400 đồng/m²).

Cơ sở xác định thời điểm sử dụng để xét hỗ trợ về đất: Theo giấy xác nhận về pháp lý, nguồn gốc đất, thời điểm tạo lập và sửa chữa nhà, vật kiến trúc ngày 10 tháng 10 năm 2022; Văn bản số 99/CCKL-QLBVR ngày 22 tháng 2 năm 2019 của Chi cục Kiểm lâm; Bản đồ quy định khu vực bảo vệ di tích Giồng

Cá Vồ xã L, huyện C ngày 07 tháng 9 năm 1999; Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm dịch vụ Hành chính nhà - Đất huyện C lập ngày 25 tháng 6 năm 2004).

- Bồi thường, hỗ trợ về nhà, công trình và vật kiến trúc, với số tiền 33.154.249 đồng:

+ Bồi thường, hỗ trợ chái (1): 4.092.525 đồng ($11,70\text{m}^2 \times 699.577 \text{ đồng/m}^2 \times 50\%$).

+ Bồi thường, hỗ trợ chái (2): 2.392.553 đồng ($6,84\text{m}^2 \times 699.577 \text{ đồng/m}^2 \times 50\%$).

+ Bồi thường, hỗ trợ nhà (2): 20.202.960 đồng ($29,40\text{m}^2 \times 1.374.351 \text{ đồng/m}^2 \times 50\%$).

+ Bồi thường, hỗ trợ chuồng gà (1): 2.774.898 đồng ($13,26\text{m}^2 \times 697.561 \text{ đồng/m}^2 \times 30\%$).

+ Bồi thường, hỗ trợ chuồng gà (2): 3.691.493 đồng ($17,64\text{m}^2 \times 697.561 \text{ đồng/m}^2 \times 30\%$).

- Bồi thường cây trái hoa màu, với số tiền là 312.881.776 đồng.

- Chính sách hỗ trợ (hỗ trợ thêm nếu chấp hành bàn giao mặt bằng trước và đúng thời gian quy định và hỗ trợ di chuyển nhà), với số tiền là 3.750.000 đồng.

Ngày 27/6/2023, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 890/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Võ Thị T2 trong dự án Xây dựng đường vào, hàng rào dự án Trùng tu khi di chỉ Giồng Cá Vồ tại xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh và được điều chỉnh một phần tại Quyết định số 939/QĐ-UBND ngày 14/7/2023 với số tiền là 1.089.321.000 đồng.

Từ nội dung được nêu trên, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho hộ bà T2 là đúng quy định pháp luật và đúng trình tự, thủ tục. Việc hộ bà Võ Thị T2 yêu cầu hủy Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 27/6/2023 của Ủy ban nhân dân huyện C về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Võ Thị T2 trong dự án Xây dựng đường vào, hàng rào dự án Trùng tu khi di chỉ Giồng Cá Vồ tại xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh là không có cơ sở.

4/Nội dung liên quan đến Quyết định số 2024/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện C về phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Võ Thị T2 trong dự án Xây dựng đường vào, hàng rào dự án Trùng tu khu di chỉ Giồng Cá Vồ tại xã L huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua quá trình tiếp xúc hộ bà Võ Thị T2 (người đại diện hợp pháp là bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị L, ông Huỳnh Văn L1, bà Huỳnh Thị T1, bà Huỳnh Thị N, ông Huỳnh Văn Ú, ông Huỳnh Thanh H và bà Huỳnh Thị T1) bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án Xây dựng đường vào, hàng rào dự án trùng tu Khu di chỉ Giồng C, xã L, huyện C hộ dân không đồng ý. Để dự án triển khai theo đúng tiến độ; ngày 29/9/2023 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành

Quyết định số 1561/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi đất.

Ngày 05/10/2023 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 1576/QĐ-UBND về việc thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện dự án Xây dựng đường vào, hàng rào dự án trùng tu Khu di chỉ Giồng C, xã L, huyện C (theo Điều 41 của Quy định kèm theo Quyết định số 28/2018/QĐ ngày 09/8/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố H).

Ngày 27/10/2023, B thực hiện cưỡng chế theo Quyết định 1576 đã chủ trì phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức cưỡng chế thu hồi đất theo đúng quy định.

Căn cứ theo quy định tại Điều 32 của Quy định kèm theo Quyết định số 28/2018/QĐ ngày 09/8/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố H. Theo đó, điều chỉnh giảm 3.750.000 đồng do hộ dân không đồng ý bàn giao mặt bằng theo quy định (Quyết định số 2024/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện C).

5/Ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện C:

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, rà soát hồ sơ, nguồn gốc, quá trình sử dụng đất bị ảnh hưởng dự án của hộ bà Võ Thị T2, đồng thời căn cứ các quy định liên quan, Ủy ban nhân dân huyện C nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị L, ông Huỳnh Văn L1, bà Huỳnh Thị T1, bà Huỳnh Thị N, ông Huỳnh Văn Ú, ông Huỳnh Thanh H và bà Huỳnh Thị T1 là không có căn cứ. Do đó, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 351/2024/HC-ST ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị L, ông Huỳnh Văn L1, bà Huỳnh Thị T1 (sinh năm 1987), bà Huỳnh Thị N, ông Huỳnh Văn Ú, ông Huỳnh Thanh H, bà Huỳnh Thị T1 (sinh năm 1983) yêu cầu hủy:

- Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 27/6/2023 của Ủy ban nhân dân huyện C về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Võ Thị T2 trong dự án Xây dựng đường vào, hàng rào dự án trùng tu Khu di chỉ Giồng Cá V tại xã L, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh (người đại diện hợp pháp là bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị L, ông Huỳnh Văn L1, bà Huỳnh Thị T1, ông Huỳnh Văn N1, ông Huỳnh Văn Ú, ông Huỳnh Thanh H và bà Huỳnh Thị T1).

- Quyết định số 2024/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện C về phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Võ Thị T2 trong dự án Xây dựng đường vào, hàng rào dự án Trùng tu khu di chỉ Giồng Cá V tại xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (người đại diện hợp pháp là bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị L, ông Huỳnh Văn L1, bà Huỳnh Thị T1, bà Huỳnh Thị N, ông Huỳnh Văn Ú, ông Huỳnh Thanh H, bà Huỳnh Thị T1).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/8/2024, người khởi kiện bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị L, ông Huỳnh Văn L1, bà Huỳnh Thị T1, bà Huỳnh Thị N, ông Huỳnh Văn Ú, ông Huỳnh Thanh H, bà Huỳnh Thị T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người khởi kiện có kháng cáo (có ông Nguyễn Hoàng L2 là đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện với các lý do: Nguồn gốc đất là do gia đình người khởi kiện khai hoang năm 1976, từ trước đến nay không ai tranh chấp hay khiếu nại. Tài liệu chứng cứ mà người bị kiện cung cấp có trong hồ sơ vụ án chỉ đóng dấu treo, người khởi kiện yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện C phải cung cấp được bản chính các tài liệu này. Đối với Biên bản làm việc ngày 31/3/2022 của Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện C thì gia đình người khởi kiện không biết, biên bản này không có thật và nội dung không đúng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Huỳnh Văn L5 vào tham gia tố tụng là có vi phạm. Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C đã có văn bản xin xét xử vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Người khởi kiện có kháng cáo nhưng không có tài liệu chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án.

[2] Thực hiện Dự án Trùng tu khu di chỉ Giồng C, huyện C, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 27/6/2023 và Quyết định 2024/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Võ Thị T2 (người đại diện hợp pháp là bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị L, ông Huỳnh Văn L1, bà Huỳnh Thị T1, bà Huỳnh Thị N, ông Huỳnh Văn Ú, ông Huỳnh Thanh H, bà Huỳnh Thị T1). Người khởi kiện cho

rằng việc tính bồi thường, hỗ trợ của Ủy ban nhân dân huyện C là không đúng nên khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các quyết định trên.

[3] Bản án sơ thẩm nhận định:

[3.1] Theo bản đồ chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 về công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký ruộng đất trong cả nước do Thủ tướng Chính phủ ban hành thì khu đất diện tích 10.506,1m² của hộ bà Võ Thị T2 thuộc một phần thửa đất số 16, 24, 25, tờ bản đồ số 30, loại đất rừng tự nhiên (R), đất màu (Đm), đất có mặt nước chưa sử dụng (M) do Ủy ban nhân dân xã L đăng ký. Theo bản đồ địa chính được thành lập năm 2003, thể hiện một phần thửa đất số 2, 29, 38, tờ bản đồ số 20, loại đất rừng phòng hộ (RPH).

Tại Giấy xác nhận về pháp lý, nguồn gốc đất, thời điểm tạo lập và sửa chữa nhà, vật kiến trúc ngày 10/10/2022 của Ủy ban nhân dân xã L có xác nhận diện tích 10.506,1m² của hộ bà Võ Thị T2 như sau:

“- Diện tích 6.094,7m² thuộc một phần thửa 16-1, 24-1 và thửa 16-2, tờ bản đồ số 30 theo tài liệu năm 1987; không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm (vườn) do ông Huỳnh Văn Đ1 lấn chiếm để trồng cây ăn trái vào khoảng năm 1996 – 1997. Đến năm 1998, ông Huỳnh Văn Đ1 cho lại bà Võ Thị T2 để tiếp tục trồng cây ăn trái và chăn nuôi cho đến nay (nằm ngoài vị trí khu đất 3.000m² của ông Huỳnh Văn Đ1 đăng ký ban đầu), không bị xử phạt vi phạm hành chính, không tranh chấp.

- Diện tích 1.712,7m² thuộc một phần thửa 24-1; 16-1, tờ bản đồ số 30 theo tài liệu năm 1987; không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; mục đích sử dụng đất nuôi trồng thủy sản (A) do hộ bà Võ Thị T2 lấn chiếm khoảng năm 1998 – 2000 để đào ao nuôi trồng thủy sản cho đến nay (nằm ngoài vị trí khu đất 3.000m² của ông Huỳnh Văn Đ1 đăng ký ban đầu), không bị xử phạt vi phạm hành chính, không tranh chấp.

- Diện tích 2.698,7m² thuộc một phần thửa 24-1; 16-1 và thửa 25-1, tờ bản đồ số 30 theo tài liệu năm 1987; không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; mục đích sử dụng đất rừng tự nhiên do hộ bà Võ Thị T2 lấn chiếm năm 2005, sử dụng cho đến nay (nằm ngoài vị trí khu đất 3.000m² của ông Huỳnh Văn Đ1 đăng ký ban đầu), không bị xử phạt vi phạm hành chính, không tranh chấp.”

Căn cứ quy định tại điểm c, d, Khoản 2, Điều 11 Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh thì khu đất hộ bà Võ Thị T2 đang khởi kiện là đất rừng phòng hộ và thuộc trường hợp hộ gia đình sử dụng đất không đủ điều kiện bồi thường về đất, chỉ được xem xét hỗ trợ.

[3.2] Về Chính sách hỗ trợ:

Ngoài phần diện tích 3.000m² có nguồn gốc vào năm 1976 hộ ông Huỳnh Văn Đ1 đã xin phép mở mang thêm diện tích đất và gia tăng sản xuất được Ủy ban nhân dân xã T (nay là Ủy ban nhân dân xã L) xác nhận với mục đích dõ đất

khai hoang và tăng thêm diện tích để sản xuất thêm đất đai cho địa phương (phần diện tích này đã được bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Huỳnh Văn L5 theo biên bản làm việc ngày 31/3/2022 của Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng).

Đối với phần diện tích đất 10.506,1m² của bà Võ Thị T2 (trong đó có 7.807,4m² theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã L có hiện trạng là vườn, ao) thì được xem xét chính sách hỗ trợ về đất bằng 80% giá đất do Ủy ban nhân dân Thành phố quy định theo Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 16/01/2020. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 27/6/2023 là phù hợp với quy định pháp luật.

[3.3] Ngày 24/10/2023 Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện C có làm việc đối với hộ bà Võ Thị T2 (có bà Huỳnh Thị N là đại diện), Ban bồi thường có thông tin thời gian cưỡng chế, tuy nhiên hộ bà T2 không đồng ý bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án theo đúng tiến độ nên không được hưởng số tiền theo chính sách hỗ trợ là 3.750.000 đồng. Vì vậy, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 2024/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 điều chỉnh giảm 3.750.000 đồng là phù hợp quy định tại Điều 32 của Quy định kèm theo Quyết định số 28/2018/QĐ ngày 09/8/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố H.

Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

[4] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nhận định và bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện có kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ mới làm khác đi bản chất vụ việc để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người có kháng cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính,

I/Bác yêu cầu kháng cáo của những người khởi kiện bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị L, ông Huỳnh Văn L1, bà Huỳnh Thị T1, bà Huỳnh Thị N, ông Huỳnh Văn Ú, ông Huỳnh Thanh H, bà Huỳnh Thị T1;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 351/2024/HC-ST ngày 01/8/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh,

Áp dụng Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/Bác yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị L, ông Huỳnh Văn L1, bà Huỳnh Thị T1 (sinh năm 1987), bà Huỳnh Thị N, ông Huỳnh Văn Ú, ông Huỳnh Thanh H, bà Huỳnh Thị T1 (sinh năm 1983) yêu cầu hủy:

- Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 27/6/2023 của Ủy ban nhân dân huyện C về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Võ Thị T2 trong dự án Xây dựng đường vào, hàng rào dự án trùng tu Khu di chỉ Giồng Cá V tại xã L, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh (người đại diện hợp pháp là bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị L, ông Huỳnh Văn L1, bà Huỳnh Thị T1, ông Huỳnh Văn N1, ông Huỳnh Văn Ú, ông Huỳnh Thanh H và bà Huỳnh Thị T1).

- Quyết định số 2024/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện C về phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Võ Thị T2 trong dự án Xây dựng đường vào, hàng rào dự án Trùng tu khu di chỉ Giồng Cá V tại xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (người đại diện hợp pháp là bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị L, ông Huỳnh Văn L1, bà Huỳnh Thị T1, bà Huỳnh Thị N, ông Huỳnh Văn Ú, ông Huỳnh Thanh H, bà Huỳnh Thị T1).

2/Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

II/Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị L, ông Huỳnh Văn L1, bà Huỳnh Thị T1 (sinh năm 1983), bà Huỳnh Thị N, ông Huỳnh Văn Ú, ông Huỳnh Thanh H, bà Huỳnh Thị T1 (sinh năm 1987), mỗi người phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0041227, 0041229, 0041234, 0041230, 0041233, 0041232, 0041228, 0041231 cùng ngày 23/8/2024 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- NKK (8);
- NBK (1);
- Lưu (5) 19b (Án NThuy).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên

